

Số: 861/QĐ-CĐKTCN

Khánh Hòa, ngày 15 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Giảm học phí học kỳ I (đợt 3) năm học 2026-2027
đối với hệ Cao đẳng (liên thông từ Trung cấp) khóa 20**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 126/QĐ-CĐKTCN ngày 18 tháng 8 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 402/QĐ-CĐKTCN ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc quy định mức thu học phí hệ Cao đẳng và Trung cấp theo tín chỉ từ năm học 2026-2027 đến 2029-2030;

Căn cứ Quyết định số 760/QĐ-CĐKTCN ngày 26 tháng 8 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc phê duyệt danh sách sinh viên cao đẳng (liên thông từ trung cấp) khóa 20 thuộc đối tượng giảm học phí học kỳ I (đợt 2), năm học 2026-2027;

Căn cứ Quyết định số 844/QĐ-CĐKTCN ngày 10 tháng 9 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc phê duyệt danh sách sinh viên đăng ký tín chỉ học tập, HKI, năm học 2026-2027 hệ Cao đẳng (Liên thông từ trung cấp) khóa 20.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Tài chính:

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Giảm học phí học kỳ I (đợt 3) năm học 2026-2027 đối với hệ Cao đẳng (liên thông từ Trung cấp) khóa 20 cho **139** sinh viên, với tổng số tiền: **1.389.753.400 đồng** (có danh sách kèm theo).

Điều 2: Chế độ giảm học phí đối với sinh viên được thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 3: Trưởng phòng Quản trị chất lượng - Học sinh, sinh viên; Trưởng phòng Tổ chức - Tài chính; Trưởng các đơn vị có liên quan và sinh viên có tên tại **Điều 1** căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (VBĐT);
- Cổng thông tin HSSV;
- Lưu: VT, QTCL-HSSV, TC-TC (02b).

HIỆU TRƯỞNG

ThS. Nguyễn Văn Lực

DANH SÁCH GIẢM HỌC PHÍ HỌC KÌ I (ĐỢT 3) NĂM HỌC 2026-2027
ĐỐI VỚI HỆ CAO ĐẲNG (LIÊN THÔNG TỪ TRUNG CẤP) KHÓA 20
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 861/QĐ-CĐKTCN ngày 15 tháng 9 năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang)

STT	Mã HSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tín chỉ	Mức học phí/tín chỉ (đồng)	Tổng tiền giảm học phí (đồng)	Đối tượng miễn học phí
A	B	C		D	E	F	G	H=F*G*70%	I
1	LTCBMA20A03	Vũ Trọng	Bằng	19/12/2008	CĐLT-CBMA20	20	473.000	6.622.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
2	LTCBMA20A01	Nguyễn Hoàng Gia	Bảo	26/12/2008	CĐLT-CBMA20	20	473.000	6.622.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
3	LTCBMA20A02	Nguyễn Quốc	Bảo	11/02/2008	CĐLT-CBMA20	20	473.000	6.622.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
4	LTCBMA20A04	Trần Thanh	Cường	18/07/2008	CĐLT-CBMA20	20	473.000	6.622.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
5	LTCBMA20A07	Nguyễn Tấn	Đăng	10/10/2008	CĐLT-CBMA20	20	473.000	6.622.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
6	LTCBMA20A05	Nguyễn Hữu Đức	Dũng	31/10/2008	CĐLT-CBMA20	20	473.000	6.622.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
7	LTCBMA20A06	Bùi Bích	Duyên	08/04/2008	CĐLT-CBMA20	20	473.000	6.622.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
8	LTCBMA20A08	Nguyễn Xuân	Hiệp	14/11/2008	CĐLT-CBMA20	20	473.000	6.622.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
9	LTCBMA20A09	Lê Minh	Huy	01/06/2008	CĐLT-CBMA20	20	473.000	6.622.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
10	LTCBMA20A10	Ngô Hải	Long	02/07/2008	CĐLT-CBMA20	20	473.000	6.622.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
11	LTCBMA20A11	Bùi Lê Hữu	Minh	24/08/2006	CĐLT-CBMA20	20	473.000	6.622.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
12	LTCBMA20A12	Lê Tấn	Nam	06/10/2008	CĐLT-CBMA20	20	473.000	6.622.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
13	LTCBMA20A13	Nguyễn Vũ Quốc	Phong	05/03/2008	CĐLT-CBMA20	20	473.000	6.622.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
14	LTCBMA20A14	Trần Minh	Phước	06/11/2008	CĐLT-CBMA20	20	473.000	6.622.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
15	LTCBMA20A15	Hoàng Anh	Quân	22/07/2008	CĐLT-CBMA20	20	473.000	6.622.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
16	LTCBMA20A16	Trần Như	Quỳnh	13/12/2008	CĐLT-CBMA20	20	473.000	6.622.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
17	LTCBMA20A20	Đoàn Quốc	Thắng	24/09/2008	CĐLT-CBMA20	20	473.000	6.622.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
18	LTCBMA20A21	Lưu Lê Quang	Thắng	14/05/2008	CĐLT-CBMA20	20	473.000	6.622.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm

STT	Mã HSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tín chỉ	Mức học phí/tín chỉ (đồng)	Tổng tiền giảm học phí (đồng)	Đối tượng miễn học phí
A	B	C		D	E	F	G	H=F*G*70%	I
19	LTCBMA20A22	Nguyễn Hồng	Thiện	30/04/2008	CĐLT-CBMA20	20	473.000	6.622.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
20	LTCBMA20A17	Lê Cẩm	Tiên	23/03/2008	CĐLT-CBMA20	20	473.000	6.622.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
21	LTCBMA20A18	Lê Nguyễn Minh	Tiến	31/05/2008	CĐLT-CBMA20	20	473.000	6.622.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
22	LTCBMA20A19	Nguyễn Anh	Tiến	24/03/2007	CĐLT-CBMA20	20	473.000	6.622.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
23	LTCBMA20A23	Đào Nhật	Vy	18/03/2008	CĐLT-CBMA20	20	473.000	6.622.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
24	LTCBTP20A01	Nguyễn Thành	Lợi	19/08/2007	CĐLT-CBTP20	19	442.000	5.878.600	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
25	LTCNOT20A01	Nguyễn Ngọc Hải	Ân	09/01/2008	CĐLT-CNOT20A	29	555.000	11.266.500	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
26	LTCNOT20A02	Phạm Duy	Anh	21/07/2008	CĐLT-CNOT20A	29	555.000	11.266.500	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
27	LTCNOT20A03	Nguyễn Thái	Bảo	16/09/2008	CĐLT-CNOT20A	29	555.000	11.266.500	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
28	LTCNOT20A04	Hồng Anh Gia	Cát	25/06/2008	CĐLT-CNOT20A	29	555.000	11.266.500	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
29	LTCNOT20A05	Đỗ Ngọc	Đạt	01/03/2008	CĐLT-CNOT20A	29	555.000	11.266.500	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
30	LTCNOT20A06	Võ Thành	Đức	08/08/2007	CĐLT-CNOT20A	29	555.000	11.266.500	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
31	LTCNOT20A07	Nguyễn Anh	Duy	28/05/2008	CĐLT-CNOT20A	29	555.000	11.266.500	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
32	LTCNOT20A08	Tổng Viết	Hưng	04/12/2008	CĐLT-CNOT20A	29	555.000	11.266.500	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
33	LTCNOT20A09	Nguyễn Quốc	Huy	07/04/2008	CĐLT-CNOT20A	29	555.000	11.266.500	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
34	LTCNOT20A10	Nguyễn Quốc	Huy	28/05/2008	CĐLT-CNOT20A	29	555.000	11.266.500	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
35	LTCNOT20A11	Trần Gia	Huy	30/07/2008	CĐLT-CNOT20A	29	555.000	11.266.500	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
36	LTCNOT20A34	Huỳnh Hùng	Khải	05/11/2004	CĐLT-CNOT20A	29	555.000	11.266.500	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
37	LTCNOT20A12	Phan Tấn	Khải	29/11/2008	CĐLT-CNOT20A	29	555.000	11.266.500	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
38	LTCNOT20A35	Dương Văn	Khang	20/03/2008	CĐLT-CNOT20A	29	555.000	11.266.500	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
39	LTCNOT20A13	Hồ Minh	Khang	17/06/2008	CĐLT-CNOT20A	29	555.000	11.266.500	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
40	LTCNOT20A14	Nguyễn Khắc	Khiêm	24/09/2008	CĐLT-CNOT20A	29	555.000	11.266.500	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
41	LTCNOT20A15	Đỗ Hoàng	Lân	04/04/2008	CĐLT-CNOT20A	29	555.000	11.266.500	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
42	LTCNOT20A36	Võ Xuân	Lộc	19/08/2008	CĐLT-CNOT20A	29	555.000	11.266.500	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
43	LTCNOT20A16	Đình Gia	Nghĩa	24/05/2008	CĐLT-CNOT20A	29	555.000	11.266.500	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
44	LTCNOT20A17	Nguyễn Trương Bảo	Nguyên	15/02/2008	CĐLT-CNOT20A	29	555.000	11.266.500	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm

STT	Mã HSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tín chỉ	Mức học phí/tín chỉ (đồng)	Tổng tiền giảm học phí (đồng)	Đối tượng miễn học phí
A	B	C		D	E	F	G	H=F*G*70%	I
45	LTCNOT20A18	Huỳnh Minh	Nhân	19/07/2008	CĐLT-CNOT20A	29	555.000	11.266.500	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
46	LTCNOT20A19	Phùng Thế	Nhất	08/10/2005	CĐLT-CNOT20A	29	555.000	11.266.500	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
47	LTCNOT20A20	Nguyễn Hòa Tấn	Phát	01/10/2008	CĐLT-CNOT20A	29	555.000	11.266.500	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
48	LTCNOT20A21	Phan Tấn	Phong	04/06/2008	CĐLT-CNOT20A	29	555.000	11.266.500	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
49	LTCNOT20A22	Trần Nguyễn An	Phước	17/07/2008	CĐLT-CNOT20A	29	555.000	11.266.500	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
50	LTCNOT20A23	Trần Nguyễn Hồng	Phước	08/04/2008	CĐLT-CNOT20A	29	555.000	11.266.500	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
51	LTCNOT20A24	Lê Nguyễn Anh	Quân	22/05/2008	CĐLT-CNOT20A	29	555.000	11.266.500	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
52	LTCNOT20A25	Trần Anh	Quân	27/09/2008	CĐLT-CNOT20A	29	555.000	11.266.500	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
53	LTCNOT20A26	Nguyễn Phùng Hoàng	Son	05/06/2007	CĐLT-CNOT20A	29	555.000	11.266.500	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
54	LTCNOT20A27	Lê Phước Đức	Tài	18/09/2008	CĐLT-CNOT20A	29	555.000	11.266.500	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
55	LTCNOT20A28	Trần Bảo	Thắng	25/07/2008	CĐLT-CNOT20A	29	555.000	11.266.500	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
56	LTCNOT20A29	Phan Minh	Thành	13/05/2008	CĐLT-CNOT20A	29	555.000	11.266.500	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
57	LTCNOT20A30	Đặng Hưng	Thịnh	23/09/2008	CĐLT-CNOT20A	29	555.000	11.266.500	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
58	LTCNOT20A31	Võ Đình	Thuận	15/03/2008	CĐLT-CNOT20A	29	555.000	11.266.500	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
59	LTCNOT20A32	Trương Thành	Thức	16/02/2008	CĐLT-CNOT20A	29	555.000	11.266.500	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
60	LTCNOT20A33	Nguyễn Minh	Tú	09/06/2008	CĐLT-CNOT20A	29	555.000	11.266.500	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
61	LTCNOT20B01	Phan Quốc Huy	Chương	24/09/2008	CĐLT-CNOT20B	29	555.000	11.266.500	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
62	LTCNOT20B02	Đỗ Nguyễn Tấn	Đạt	23/01/2008	CĐLT-CNOT20B	29	555.000	11.266.500	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
63	LTCNOT20B04	Hồ Sỹ	Hiếu	22/04/2007	CĐLT-CNOT20B	29	555.000	11.266.500	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
64	LTCNOT20B05	Nguyễn Thuận	Hóa	19/09/2008	CĐLT-CNOT20B	29	555.000	11.266.500	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
65	LTCNOT20B06	Võ Huy	Hoàng	08/11/2008	CĐLT-CNOT20B	29	555.000	11.266.500	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
66	LTCNOT20B07	Bùi Minh	Huân	18/07/2008	CĐLT-CNOT20B	29	555.000	11.266.500	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
67	LTCNOT20B08	Nguyễn Thanh	Huấn	12/12/2007	CĐLT-CNOT20B	29	555.000	11.266.500	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
68	LTCNOT20B09	Trần Quốc	Hưng	28/06/2006	CĐLT-CNOT20B	29	555.000	11.266.500	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
69	LTCNOT20B12	Lý Minh	Khang	06/09/2008	CĐLT-CNOT20B	29	555.000	11.266.500	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
70	LTCNOT20B13	Trương Bảo	Khiêm	09/09/2008	CĐLT-CNOT20B	29	555.000	11.266.500	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm

STT	Mã HSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tín chỉ	Mức học phí/tín chỉ (đồng)	Tổng tiền giảm học phí (đồng)	Đối tượng miễn học phí
A	B	C		D	E	F	G	H=F*G*70%	I
71	LTCNOT20B10	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Kiên	07/09/2008	CĐLT-CNOT20B	29	555.000	11.266.500	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
72	LTCNOT20B11	Bùi Hoàng Xuân	Kỳ	20/01/2008	CĐLT-CNOT20B	29	555.000	11.266.500	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
73	LTCNOT20B15	Cao Minh	Lợi	03/11/2008	CĐLT-CNOT20B	29	555.000	11.266.500	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
74	LTCNOT20B14	Huỳnh Bảo	Long	23/04/2008	CĐLT-CNOT20B	29	555.000	11.266.500	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
75	LTCNOT20B16	Nguyễn Hoài	Nam	30/03/2008	CĐLT-CNOT20B	29	555.000	11.266.500	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
76	LTCNOT20B18	Trần Nguyễn Xuân	Nhân	26/03/2008	CĐLT-CNOT20B	29	555.000	11.266.500	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
77	LTCNOT20B19	Lữ Thành	Nhân	25/02/2008	CĐLT-CNOT20B	29	555.000	11.266.500	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
78	LTCNOT20B20	Chế Hữu	Tài	21/03/2008	CĐLT-CNOT20B	29	555.000	11.266.500	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
79	LTCNOT20B26	Hoàng Minh	Thiên	22/06/2008	CĐLT-CNOT20B	29	555.000	11.266.500	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
80	LTCNOT20B27	Nguyễn Đặng Thanh	Thoát	23/10/2008	CĐLT-CNOT20B	29	555.000	11.266.500	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
81	LTCNOT20B22	Nguyễn Ngọc Minh	Tiến	28/10/2008	CĐLT-CNOT20B	29	555.000	11.266.500	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
82	LTCNOT20B21	Trần Tuấn Tài	Tiền	28/11/2008	CĐLT-CNOT20B	29	555.000	11.266.500	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
83	LTCNOT20B23	Võ Đức	Tín	19/04/2008	CĐLT-CNOT20B	29	555.000	11.266.500	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
84	LTCNOT20B24	Bo Quốc	Tuấn	28/02/2008	CĐLT-CNOT20B	29	555.000	11.266.500	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
85	LTCNOT20B25	Lê Trí	Tường	23/06/2008	CĐLT-CNOT20B	29	555.000	11.266.500	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
86	LTCNOT20B28	Lê Gia	Văn	18/08/2008	CĐLT-CNOT20B	29	555.000	11.266.500	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
87	LTCNOT20B29	Nguyễn Viết	Văn	07/08/2008	CĐLT-CNOT20B	29	555.000	11.266.500	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
88	LTCNOT20B30	Đào Cao	Vũ	31/03/2008	CĐLT-CNOT20B	29	555.000	11.266.500	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
89	LTDICN20A01	Lương Ngọc Tuấn	Anh	18/11/2008	CĐLT-ĐCN20	30	505.000	10.605.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
90	LTDICN20A02	Trần Đặng Xuân	Bách	14/04/2008	CĐLT-ĐCN20	30	505.000	10.605.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
91	LTDICN20A03	Trần Gia	Bảo	11/07/2008	CĐLT-ĐCN20	30	505.000	10.605.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
92	LTDICN20A05	Lê Quốc	Cường	02/11/2008	CĐLT-ĐCN20	30	505.000	10.605.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
93	LTDICN20A29	Phạm Phương	Đại	17/03/2007	CĐLT-ĐCN20	30	505.000	10.605.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
94	LTDICN20A08	Nguyễn Hữu Lê	Đặng	04/11/2008	CĐLT-ĐCN20	30	505.000	10.605.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
95	LTDICN20A09	Nguyễn Minh	Đặng	10/10/2008	CĐLT-ĐCN20	30	505.000	10.605.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
96	LTDICN20A06	Ngô Trường	Duy	23/07/2008	CĐLT-ĐCN20	30	505.000	10.605.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm

STT	Mã HSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tín chỉ	Mức học phí/tín chỉ (đồng)	Tổng tiền giảm học phí (đồng)	Đối tượng miễn học phí
A	B	C		D	E	F	G	H=F*G*70%	I
97	LTDICN20A31	Nguyễn Vũ Gia	Hạo	01/01/2008	CĐLT-ĐCN20	30	505.000	10.605.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
98	LTDICN20A10	Lê Minh	Hiếu	12/11/2008	CĐLT-ĐCN20	30	505.000	10.605.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
99	LTDICN20A11	Nguyễn Huy	Hoàng	28/06/2008	CĐLT-ĐCN20	30	505.000	10.605.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
100	LTDICN20A13	Nguyễn Duy	Hưng	22/05/2008	CĐLT-ĐCN20	30	505.000	10.605.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
101	LTDICN20A12	Nguyễn Quốc	Huy	16/06/2008	CĐLT-ĐCN20	30	505.000	10.605.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
102	LTDICN20A15	Trần Thiện	Khiêm	12/02/2008	CĐLT-ĐCN20	30	505.000	10.605.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
103	LTDICN20A14	Trần Phụng	Kỳ	14/08/2007	CĐLT-ĐCN20	30	505.000	10.605.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
104	LTDICN20A16	Mẫu Hồ Thiên	Long	02/01/2008	CĐLT-ĐCN20	30	505.000	10.605.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
105	LTDICN20A17	Ngô Bảo	Luân	09/10/2008	CĐLT-ĐCN20	30	505.000	10.605.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
106	LTDICN20A18	Phan Võ Gia	Minh	29/09/2008	CĐLT-ĐCN20	30	505.000	10.605.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
107	LTDICN20A19	Nguyễn Trần Phương	Nam	17/09/2008	CĐLT-ĐCN20	30	505.000	10.605.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
108	LTDICN20A20	Văn Phú	Nghĩa	12/11/2008	CĐLT-ĐCN20	30	505.000	10.605.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
109	LTDICN20A21	Nguyễn Thành	Nhân	29/09/2008	CĐLT-ĐCN20	30	505.000	10.605.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
110	LTDICN20A22	Nguyễn Duy	Phương	31/08/2008	CĐLT-ĐCN20	30	505.000	10.605.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
111	LTDICN20A23	Lê Lê Thanh	Quân	04/05/2008	CĐLT-ĐCN20	30	505.000	10.605.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
112	LTDICN20A24	Phạm Lê Minh	Quân	31/01/2008	CĐLT-ĐCN20	30	505.000	10.605.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
113	LTDICN20A25	Trần Văn	Tài	24/01/2008	CĐLT-ĐCN20	30	505.000	10.605.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
114	LTDICN20A28	Nguyễn Duy	Thành	21/07/2008	CĐLT-ĐCN20	30	505.000	10.605.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
115	LTDICN20A30	Lê Hải	Thuận	01/01/2008	CĐLT-ĐCN20	30	505.000	10.605.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
116	LTDICN20A26	Phạm Văn	Tiến	28/06/2008	CĐLT-ĐCN20	30	505.000	10.605.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
117	LTDICN20A27	Nguyễn Ngọc Anh	Tuấn	07/04/2008	CĐLT-ĐCN20	30	505.000	10.605.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
118	LTCNDT20A01	Giang Minh	Hải	08/02/2008	CĐLT-ĐĐT20	23	530.000	8.533.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
119	LTCNDT20A02	Thái Bá	Long	28/06/2008	CĐLT-ĐĐT20	23	530.000	8.533.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
120	LTCNDT20A03	Nguyễn Hoàng	Minh	31/12/2008	CĐLT-ĐĐT20	23	530.000	8.533.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
121	LTCNDT20A04	Huỳnh Lê Hữu	Phước	02/12/2007	CĐLT-ĐĐT20	23	530.000	8.533.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
122	LTHDDL20A01	Nguyễn Hoa Trúc	Đào	08/11/2008	CĐLT-HDDL20	21	442.000	6.497.400	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm

STT	Mã HSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tín chỉ	Mức học phí/tín chỉ (đồng)	Tổng tiền giảm học phí (đồng)	Đối tượng miễn học phí
A	B	C		D	E	F	G	H=F*G*70%	I
123	LTHDDL20A02	Dương Trung	Hiếu	05/12/2008	CĐLT-HDDL20	21	442.000	6.497.400	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
124	LTHDDL20A03	Lê Hoàng Nhã	Kỳ	05/11/2008	CĐLT-HDDL20	21	442.000	6.497.400	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
125	LTHDDL20A04	Cao Phi	Long	21/07/2008	CĐLT-HDDL20	21	442.000	6.497.400	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
126	LTHDDL20A05	Lê Thị Nhã	Phương	06/10/2008	CĐLT-HDDL20	21	442.000	6.497.400	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
127	LTHDDL20A06	Nguyễn Thị	Trúc	06/07/2008	CĐLT-HDDL20	21	442.000	6.497.400	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
128	LTHDDL20A07	Lê Hoàng Nhã	Uyên	05/11/2008	CĐLT-HDDL20	21	442.000	6.497.400	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
129	LTKTML20A01	Nguyễn Thành	An	26/06/2008	CĐLT-KTML20	30	534.000	11.214.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
130	LTKTML20A02	Nguyễn Duy	Anh	22/12/2008	CĐLT-KTML20	30	534.000	11.214.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
131	LTKTML20A03	Nguyễn Khắc	Bảo	29/05/2008	CĐLT-KTML20	30	534.000	11.214.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
132	LTKTML20A06	Đào Tấn	Hiệp	06/11/2008	CĐLT-KTML20	30	534.000	11.214.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
133	LTKTML20A08	Nguyễn Gia	Hưng	17/10/2008	CĐLT-KTML20	30	534.000	11.214.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
134	LTKTML20A09	Mai Đình	Khánh	11/08/2008	CĐLT-KTML20	30	534.000	11.214.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
135	LTKTML20A10	Nguyễn Thế	Luân	02/11/2008	CĐLT-KTML20	30	534.000	11.214.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
136	LTKTML20A11	Nguyễn Long Hoàn	Phúc	28/08/2008	CĐLT-KTML20	30	534.000	11.214.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
137	LTKTML20A12	Phạm Tấn	Sang	18/08/2008	CĐLT-KTML20	30	534.000	11.214.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
138	LTKTML20A13	Nguyễn Quốc	Toàn	27/11/2008	CĐLT-KTML20	30	534.000	11.214.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
139	LTKTML20A14	Kiều Anh	Tuấn	11/02/2008	CĐLT-KTML20	30	534.000	11.214.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
Tổng: 139								1.389.753.400	

Danh sách này có 139 sinh viên